

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2023/DS-ST

Ngày: 16 - 11 - 2023.

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Thỏ.

Bà Trần Thị Mỹ Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 188/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 372/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 252/2023/QĐST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B

Địa chỉ: Tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà Th đường Trần Quang K, phường Trảng T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) B: Ông Dương Chí K. Địa chỉ liên hệ: Số 32 đường Nguyễn C, phường A, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. (có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1972. (vắng mặt)

2. Bà **Trần Thị Y**, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khóm Vĩnh H, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1931 (vắng mặt)

2/ Anh **Nguyễn Biệt Đ**, sinh năm 1994 (vắng mặt)

3/ Anh **Nguyễn Chí T**, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khóm Vĩnh H, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngày 08/02/2022 Ngân hàng TMCP B, chi nhánh Hậu Giang, phòng giao dịch Long M với ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Y đã ký kết hợp đồng tín dụng số HDTĐ803202200259 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 803202200259/01 để vay số tiền 170.000.000 đồng, thời hạn vay 11 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn trồng lúa, nuôi heo, lãi suất 10,5%/năm, lãi suất quá hạn 150%/năm. Phương thức cho vay: Cho vay từng lần, Kỳ hạn trả nợ gốc: Phân làm 03 kỳ trả nợ, kỳ cuối trả vào ngày 06/01/2023. Để đảm bảo khoản vay thì ông T và bà Y có ký với Ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0215/2020/HĐTC/PGDLongMy ngày 21/8/2020 tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 359, tờ bản đồ số 6, diện tích 2.400m², tọa lạc: khóm Vĩnh H, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do ủy ban nhân dân thị xã Ngã Năm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T ngày 17/11/2015 và Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 358, tờ bản đồ số 6, diện tích 3.315m², tọa lạc: khóm Vĩnh H, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do ủy ban nhân dân thị xã Ngã Năm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T, ngày 17/11/2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T và bà Y đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo như thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng tính đến ngày 24/03/2023 phía ông T và bà Y còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 184.632.042 đồng, trong đó nợ gốc là 170.000.000 đồng, lãi trong hạn 7.768.207 đồng, lãi quá hạn 6.863.835 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông T và bà Y trả nợ nhưng vẫn không thực hiện. Sau khi Ngân hàng tiến hành khởi kiện thì phía ông T và bà Y đã trả cho Ngân hàng được tổng số tiền là 180.000.000 đồng. Hiện còn nợ lại số tiền là 18.906.005 đồng trong đó nợ gốc là 100.000 đồng, lãi quá hạn là 18.906.005 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP B yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Y phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/11/2023 tổng số tiền là 18.903.243 đồng, trong đó vốn gốc là 100.000 đồng và lãi quá hạn là 18.803.243 đồng. Đồng thời, yêu cầu tiếp tục tính lãi trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 17/11/2023 cho đến khi ông T và bà Y trả hết nợ với lãi suất theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp phía ông T và bà Y không có khả năng trả nợ thì đề nghị phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ.

*** Tại biên bản hòa giải ngày 21/9/2023 bị đơn Nguyễn Văn T trình bày:**

Ông thừa nhận hiện vợ chồng ông còn nợ Ngân hàng TMCP B tính đến ngày 21/9/2023 với tổng số tiền là 18.903.243 đồng. Trong đó vốn gốc là 100.000 đồng và lãi quá hạn là 18.803.243 đồng. Nay vợ chồng đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền này với thời hạn và phương thức như sau: Ngày 21/12/2023 trả số tiền là 6.000.000 đồng. Ngày 21/3/2024 trả số tiền là 6.000.000 đồng. Đến ngày 21/6/2024 sẽ trả toàn bộ số tiền còn lại là 6.803.243 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng tính từ ngày 22/9/2023. Trong trường hợp đến kỳ hạn trả nợ bất kỳ mà tôi không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết nêu trên, thì đồng ý giao toàn bộ tài sản thế chấp cho Ngân hàng hoặc Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm xử lý thu hồi toàn bộ số nợ.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa. Về nội dung: đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả tiền vay tín dụng còn nợ nên HĐXX xác định đây là vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Đồng thời, các bị đơn có địa chỉ cư trú tại khóm Vĩnh H, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Do đó, HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu các bị đơn trả số tiền vay gốc còn nợ 100.000 đồng. Xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên HĐXX chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn trả số tiền nợ gốc tính đến ngày 16/11/2023 là 100.000 đồng. Nhận thấy, theo hợp đồng tín dụng số HDTD803202200259 ngày 08/02/2022 thì các bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 170.000.000 đồng; Mục đích vay trồng lúa, nuôi heo; Thời hạn vay 11 tháng; Phương thức cho vay: vay từng lần; Kỳ hạn trả nợ gốc: Trả cuối kỳ vào ngày 06/01/2023. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng các bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và để phát sinh nợ quá hạn. Sau khi khởi kiện các bị đơn tiến hành trả tiền nợ gốc cho nguyên đơn và còn nợ lại số tiền là 100.000 đồng. Xét thấy, việc bị đơn không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ gốc như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ các bên thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng tín dụng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc tính đến ngày 16/11/2023 là 100.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên HĐXX chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi trên tiền vốn gốc còn nợ tính đến ngày 16/11/2023, Nhận thấy, theo hợp đồng tín dụng số HDTD803202200259 ngày 08/02/2022 các bên thỏa thuận lãi suất vay 10,5%/năm; lãi suất nợ lãi trả chậm: 10%/năm; Lãi suất nợ gốc quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Xét thấy, theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*” và hướng dẫn tại Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Nên đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi suất theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là phù hợp nên HĐXX chấp nhận. Do đó, tiền lãi theo bảng kê tình hình thu lãi vay ngày 16/11/2023 do nguyên đơn cung cấp cụ thể lãi suất được tính như sau: lãi trong hạn là 00 đồng, lãi quá hạn là 18.806.005 đồng là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc phát mãi tài sản thế chấp, nhận thấy: nguyên đơn với các bị đơn có ký với Ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0215/2020/HĐTC/PGDLong Mỹ ngày 21/8/2020. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử

dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 359, tờ bản đồ số 6, diện tích 2.400m², tọa lạc: khóm Vĩnh H, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do ủy ban nhân dân thị xã Ngã Năm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T ngày 17/11/2015 và Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 358, tờ bản đồ số 6, diện tích 331,5m², tọa lạc: khóm Vĩnh H, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do ủy ban nhân dân thị xã Ngã Năm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T ngày 17/11/2015. Đồng thời, hợp đồng thế chấp tài sản được chứng thực và có đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp các bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự.

[7] Về chi phí thẩm định tài sản thế chấp tổng số tiền là 550.000 đồng. Do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, do nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước để làm thủ tục tố tụng, do đó buộc các bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 550.000 đồng.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

[9] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là có căn cứ và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 299, khoản 1, khoản 5 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 167 Luật đất đai; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B.

Buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Y có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP B tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 16/11/2023 là 18.906.005 đồng (*mười tám triệu chín trăm lẽ sáu ngàn không trăm lẽ năm đồng*). Trong đó vốn gốc là 100.000 đồng, lãi trong hạn 0 đồng, lãi quá hạn là 18.806.005 đồng.

Kể từ ngày 17/11/2023 cho đến khi ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Y thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP B, thì hàng tháng ông T và bà Y còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số HDTD803202200259 ngày 08/02/2022.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Y không thanh toán hoặc thanh toán không hết nợ thì Ngân hàng TMCP B được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm xử lý các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0215/2020/HĐTC/PGDLong My ngày 21/8/2020. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 359, tờ bản đồ số 6, diện tích 2.400m², tọa lạc: khóm Vĩnh H, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do ủy ban nhân dân thị xã Ngã Năm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T ngày 17/11/2015; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 358, tờ bản đồ số 6, diện tích 3.315m², tọa lạc: khóm Vĩnh H, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do ủy ban nhân dân thị xã Ngã Năm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T ngày 17/11/2015.

2/ Về chi phí thẩm định tài sản thế chấp tổng cộng 550.000 đồng (*năm trăm năm mươi ngàn đồng*) buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Y phải chịu. Tuy nhiên, do nguyên đơn Ngân hàng TMCP B đã nộp tạm ứng thanh toán trước để làm thủ tục tố tụng. Do đó, buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Y có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP B số tiền 550.000 đồng (*năm trăm năm mươi ngàn đồng*).

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Y phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 945.300 đồng (*chín trăm bốn mươi lăm ngàn ba trăm đồng*)

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.615.000 đồng (*bốn triệu sáu trăm mười lăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009273 ngày 06/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án

được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn